

Bản án số: 04/2022/HS-ST

Ngày: 18 - 3 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh H

Bà Dương Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lô Thị Lệ Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Văn Q**, tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 13/4/1985.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm G, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Hoàng Văn B, sinh năm 1957, con bà: Hoàng Thị S, sinh năm 1963; Vợ, con chưa có; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45 ngày 13/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Hoàng Văn Q 42 tháng tù về các tội: “*Trộm cắp tài sản*” và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/11/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Ông Lý Văn C, sinh năm 1979/ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trú tại: Xóm M, xã L, huyện H, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1966/ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trú tại: Xóm Q, xã N, huyện H, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi liên quan:

1. Ông Tống Minh H, sinh năm 1969/ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trú tại: Xóm Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Ông Đặng Văn N, sinh năm 1975/ có đơn đề nghị xét xử vắng.

Chỗ ở hiện tại: Xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Anh Nguyễn Văn B1, sinh năm 1985/ vắng mặt.

Trú tại: Xóm H, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người làm chứng:

1. Bà Phan Thị T, sinh năm 1971/ vắng mặt.

Trú tại: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bà Vũ Thị N1, sinh năm 1968/ vắng mặt.

Trú tại: Tổ 2, phường Q, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 18/10/2021 đến ngày 31/10/2021, Hoàng Văn Q đã thực hiện các vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện Đ, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 15 giờ 30 ngày 18/10/2021, Hoàng Văn Q mượn xe đạp của anh Nguyễn Văn B1 (sinh năm 1985; trú tại: Xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) đi đến nhà ông Lý Văn C (sinh năm 1979; trú tại: Xóm M, xã L, huyện H, tỉnh Thái Nguyên). Trong quá trình ngồi chơi, Q nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu đen bạc, mang BKS: 20B1-718.69 đang để ở sân và cắm sẵn chìa khóa trên xe nên Q đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt. Q nói với ông C rằng mình đang chờ xi măng cho nhà ông Nguyễn Văn H1 (sinh năm 1945; trú tại: Xóm M, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) ở gần nhà ông C và mượn xe đạp của ông C để sang nhà ông H1. Đồng thời, để tạo thêm niềm tin từ phía ông C, Q còn hứa hẹn sẽ chở xi măng kém chất lượng cho ông C mà Q chỉ lấy tiền công bốc. Ông C đồng ý rồi đi tắm. Trong lúc ông C đang tắm, Q nói với ông C: “*Anh cho em mượn xe máy để em quay về nhà ông H1, em khóa cửa xe ô tô*”, ông C đồng ý nên Q lấy xe mô tô rồi đi đến cửa hàng mua bán đồ phế liệu của bà Phan Thị T (sinh năm 1971; trú tại: Xóm C, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên) và bán chiếc xe trên cho bà T với giá 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng). Ngày 19/10/2021, ông Lý Văn C đã có đơn trình báo gửi Công an xã L, huyện Đ về việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Hoàng Văn Q, đồng thời giao nộp 01 chiếc xe đạp do Q để lại nhà ông C.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 41 ngày 12/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện H, kết luận: Giá xe mô tô BKS: 20B1-718.69 có trị giá là 9.000.000đ (chín triệu đồng).

Vụ thứ hai: Khoảng 13 giờ ngày 31/10/2021, Hoàng Văn Q một mình điều khiển xe mô tô BKS: 20B2-212.43, nhãn hiệu SIRIUS từ thành phố T, tỉnh Thái Nguyên sang địa phận xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên với mục đích tìm nhà nào bán chè khô thì vào hỏi mua để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Q đi đến khu vực gần chợ N thì gặp bà Nguyễn Thị P (sinh năm: 1966; trú tại: Xóm Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) bán tạp hóa và chè khô nên Q đã hỏi mua chè. Tại đây, Q mua của bà P 40 kg chè khô với giá thỏa thuận là 180.000đ/kg, tổng số tiền chè là 7.200.000đ (bảy triệu hai trăm nghìn đồng). Để tạo lòng tin với bà P,

Q nói với bà P là không mang theo tiền và muốn để lại chiếc xe mô tô BKS: 20B2-212.43 cho bà P để làm tin rồi về nhà lấy tiền trả thì bà P đồng ý. Sau đó, Q nhờ bà P gọi giúp xe ô tô để chở chè ra bến xe khách Thái Nguyên gửi cho người nhà ở tỉnh Gia Lai. Sau khi bà P gọi được xe cho Q, Q đã thỏa thuận tiền vận chuyển với người lái xe là ông Tống Minh H (sinh năm 1969; trú tại: Xóm Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) là 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng) cho lộ trình từ nhà bà P đến bến xe khách Thái Nguyên và chiều ngược lại. Khi đến bến xe, Q mượn điện thoại của ông H giả vờ gọi cho người quen để giao chè rồi nói với ông H là: *“Xe đi mất rồi, không gửi được”* và bảo ông H chở Q lên xã M, huyện P, tỉnh Thái Nguyên để bán chè nhưng ông H không đồng ý nên Q tiếp tục bảo ông H đưa mình về chợ C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên để bán chè. Khi đến cổng chợ, ông H dừng xe đợi, còn Q đi bộ vào trong chợ gặp bà Vũ Thị N1 (sinh năm 1968; trú tại: Tổ 2, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên). Tại đây, Q đã bán cho bà N1 40kg chè với giá 80.000đ/kg, tổng số tiền là 3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng). Sau khi nhận đủ tiền, Q bảo ông H: *“Chú chờ cháu một chút, cháu sang vợ cháu lấy tiền để trả cho bà P”* rồi Q bỏ trốn, chỉ còn lại ông H ở lại đợi Q. Khoảng 10 phút sau, ông H không thấy Q quay lại nên đi tìm H xung quanh chợ nhưng không thấy. Sau đó, ông H gọi điện thoại báo cho bà P sự việc, bà P bảo ông H quay lại quán chè để giữ lại bao chè, tuy nhiên lúc này bà N1 đã bán chè cho người khác. Ngày 08/11/2021, bà Nguyễn Thị P đã có đơn trình báo gửi Công an huyện H về việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Hoàng Văn Q và giao nộp cho 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu sơn: đen xám, BKS: 20B2-212.43 do Q để lại nhà bà P.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 38 ngày 10/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện H, kết luận: 40 kg chè búp khô (loại LDP1), có trị giá là 7.200.000đ (bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, Hoàng Văn Q còn thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Đặng Văn N (sinh năm: 1975; trú tại: Xóm V, xã P, huyện T, tỉnh Thái Nguyên (chỗ ở hiện tại: Xóm La Vương, xã Hóa Trung, huyện H, tỉnh Thái Nguyên). Khoảng 17 giờ ngày 25/10/2021, tại Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Thành Vinh chi nhánh H thuộc xóm L, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, do cần tiền tiêu xài nên Q đã mượn xe mô tô nhãn hiệu WORLD, màu nâu, BKS: 20H1-3740 của ông N để bán lấy tiền. Q hỏi mượn xe ông N với lý do để đi về nhà, ông N đồng ý. Sau đó, Q điều khiển xe đến gần cầu Đ, thuộc xóm Đ, xã Q, huyện H, tỉnh Thái Nguyên và bán xe cho người đi đường với giá 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng). Đến ngày 26/10/2021, ông N không thấy Q đi làm, ông N gọi điện thoại cho Q nhưng không liên lạc được nên đã đến nhà tìm Q nhưng không thấy. Đến ngày 10/11/2021, ông N đã làm đơn trình báo cơ quan C sát điều tra Công an huyện H.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 43 ngày 26/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện H, kết luận: Giá xe mô tô BKS: 20H1-3740, xe đã qua sử dụng, thời điểm định giá ngày 25/10/2021 có giá 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra còn xác định: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu sơn: đen xám, BKS: 20B2-212.43 Q sử dụng để đi đến nhà bà P là vật chứng của vụ việc do cơ quan C sát điều tra Công an thành phố T đang thụ lý giải quyết nên cơ quan C sát điều tra Công an huyện Đ đã chuyển chiếc xe trên cho cơ quan C sát điều tra Công an thành phố T theo quy định. Toàn bộ số tiền do phạm tội mà có Q đã sử dụng cá nhân hết.

Vật chứng vụ án gồm:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu sơn: đen xám, BKS: 20B2-212.43, đã qua sử dụng. Hiện chiếc xe trên đã được cơ quan C sát điều tra Công an huyện H giao cơ quan C sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên theo quy định.

+ 01 xe đạp đã được trả lại cho anh Nguyễn Văn B1 là chủ sở hữu quản lý, sử dụng.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu WORLD, màu sơn: nâu, BKS: 20H1-3740, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu sơn: đen bạc, BKS: 20B1-718.69, đã qua sử dụng. Hiện các xe trên chưa thu giữ được.

Phần dân sự: Bà Nguyễn Thị P yêu cầu Q phải bồi thường số tiền 7.200.000đ (bảy triệu hai trăm nghìn đồng). Ông Lý Văn C yêu cầu Q phải bồi thường số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng). Ông Đặng Văn N yêu cầu Q phải bồi thường số tiền 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng). Ông Tống Minh H yêu cầu Q phải trả số tiền 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng). Hiện bị cáo chưa thực hiện được việc bồi thường trên.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKSĐH, ngày 28/01/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Hoàng Văn Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Điều 38 BLHS. Đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/11/2021.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48-BLHS; Điều 584, 587, 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo pH bồi thường cho người bị hại ông Lý Văn C số tiền 9.000.000 đồng, bồi thường cho người bị hại bà Nguyễn Thị P số tiền 7.200.000 đồng, bồi thường cho ông Đặng Văn N số tiền 1.200.000 đồng, bồi thường cho ông Tống Minh H số tiền 250.000 đồng.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố. Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận với bản luận tội

của Viện kiểm sát, trong lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong 02 ngày 18/10/2021 và 31/10/2021, Hoàng Văn Q đã thực hiện hai vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện Đ, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 17 giờ ngày 18/10/2021, tại nhà của ông Lý Văn C thuộc xóm M, xã L, huyện H, tỉnh Thái Nguyên, Q lừa lấy xe mô tô nhãn hiệu HONDA, mang BKS: 20B1-718.69, có trị giá 9.000.000đ (chín triệu đồng) của ông Lý Văn C rồi bán với giá 1.200.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 13 giờ ngày 31/10/2021, tại nhà của bà Nguyễn Thị P thuộc xóm Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Hoàng Văn Q lừa chiếm đoạt 40 kg chè khô có trị giá 7.200.000 đồng của bà P rồi mang bán được 3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng). Toàn bộ số tiền có được do phạm tội, Q đã sử dụng cá nhân hết.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Hoàng Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng biên bản định giá tài sản và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến niềm tin giữa người với người. Hội đồng xét xử nhận thấy việc VKS truy tố để xét xử đối với bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự như sau:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

[2]. Về hình phạt, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Hoàng Văn Q từng pH đi tù về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành công dân tốt mà tiếp tục phạm tội, điều đó chứng tỏ bị cáo coi thường pháp luật, do đó khi lượng hình cần có một mức án nghiêm khắc, buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người lương thiện và để răn đe, phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo pH chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải nên bị cáo

được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, vì vậy trong lượng hình, Hội đồng xét xử cũng đã xem xét giảm một phần hình phạt đối với bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, Tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 thì bị cáo có thể bị phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Ngoài hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Lý Văn C và bà Nguyễn Thị P đã cấu thành tội phạm, bị cáo còn có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Đặng Văn N và ông Tống Minh H nhưng do tài sản chiếm đoạt chưa đến 2.000.000 đồng nên không cấu thành tội phạm. Tuy nhiên về trách nhiệm dân sự bị cáo pH có trách nhiệm bồi thường cho những người bị hại và pH bồi thường cho cả những người có quyền lợi liên quan theo kết quả định giá tài sản.

[4]. Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, bà Vũ Thị N1 là người mua chè và bà Phạm Thị T là người mua xe mô tô BKS: 20B1- 718.69, do không biết tài sản trên do Q phạm tội mà có nên hành vi của bà N1 và bà T không cấu thành tội phạm. Đối với hành vi của Hoàng Văn Q lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô BKS: 20H1-3740, nhãn hiệu WORLD của ông Đặng Văn N ngày 25/10/2021, do không cấu thành tội phạm nên Công an huyện H đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Hoàng Văn Q 30** (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **10/11/2021**.

Áp dụng Điều 329 BLTTHS ra quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[2]. *Về trách nhiệm dân sự:* Căn cứ Điều 48 BLHS; Điều 584, 587, 589 của Bộ luật dân sự:

- Buộc bị cáo Hoàng Văn Q phải bồi thường cho ông Lý Văn C số tiền **9.000.000 đồng**.

- Buộc bị cáo Hoàng Văn Q phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị P số tiền **7.200.000 đồng**.

- Buộc bị cáo Hoàng Văn Q phải bồi thường cho ông Đặng Văn N số tiền **1.200.000 đồng**.

- Buộc bị cáo Hoàng Văn Q phải bồi thường cho ông Tống Minh H số tiền **250.000 đồng**.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại và người có quyền lợi liên quan có đơn yêu cầu thi hành, nếu bị cáo không thi hành được khoản tiền trên, thì hàng tháng còn pH chịu khoản tiền lãi được xác định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS Tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[3]. *Án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Hoàng Văn Q pH nộp **200.000 đồng** án phí hình sự sơ thẩm và **882.000 đồng** án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án đối với trường hợp có mặt và kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai đối với trường hợp vắng mặt tại phiên tòa. Những người có quyền lợi liên quan có quyền cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với trường hợp có mặt và kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai đối với trường hợp vắng mặt tại phiên tòa./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở T pháp tỉnh Thái Nguyên
- UBND xã H;
- Bị cáo, Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự .

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Nường

